**ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN**

**1. Thông tin về học phần**

Giảng Viên: ThS Nguyễn Vương Quốc

Số điện thoại: 0946 209 167

Email: nguyenvuongquoc30031990@gmail.com

Tên học phần: Văn hóa Mỹ 1 & 2

Số tín chỉ: 2

Đào tạo trình độ: đại học

Giảng dạy cho ngành: Ngôn ngữ Anh

Cho sinh viên năm thứ: 3

Học phần tiên quyết: Nghe 4, Nói 4, Đọc 4, Viết 4

Phân bổ tiết giảng của học phần:

- Nghe giảng lý thuyết: 20

- Làm bài tập trên lớp: 10

- Tự nghiên cứu: 120

**2. Tóm tắt nội dung học phần**

Học phần cung cấp cho người học:

a. Kiến thức cơ bản về: địa lý, lịch sử, quá trình hình thành Hợp chủng quốc Hoa kỳ; chính phủ và hệ thống chính trị; tôn giáo, tín ngưỡng và lễ hội; giáo dục; sự đa dạng sắc tộc và giá trị sống.

b. Kỹ năng đọc hiểu, phân tích, đánh giá, nghiên cứu các vấn đề văn hoá - xã hội Mỹ.

c. Kỹ năng so sánh liên hệ với văn hoá và văn minh dân tộc.

**3. Nội dung chi tiết học phần**

**3.1. Danh mục vấn đề của học phần**

 1. Địa lý, lịch sử, quá trình hình thành Hợp chủng quốc Hoa kỳ

 2. Chính phủ và hệ thống chính trị

 3. Tôn giáo, tín ngưỡng và lễ hội

 4. Giáo dục

 5. Sự đa dạng sắc tộc và giá trị sống

**3.2. Xây dựng chuẩn đầu ra của quá trình dạy - học từng vấn đề của học phần**

**Vấn đề 1:** **Địa lý, lịch sử, quá trình hình thành Hợp chủng quốc Hoa kỳ**

|  |  |
| --- | --- |
| **Nội dung** | **Mức độ** |
| **Kiến thức**1. Vị trí địa lý và khí hậu2. Khái quát lịch sử qua các giai đoạn chính3. Sự hình thành Hợp chủng quốc Hoa Kỳ | 222 |
| **Kỹ năng**1. Nhận diện các đặc điểm chung của Hoa kỳ2. Phân tích được những nguyên nhân, kết quả việc hình thành Hoa kỳ | 22 |
| **Thái độ**Tích cực tìm hiểu và nghiên cứu về đất nước Hoa Kỳ |  |

**Vấn đề 2: Chính phủ và hệ thống chính trị**

|  |  |
| --- | --- |
| **Nội dung** | **Mức độ** |
| **Kiến thức**1. Cấu trúc của chính phủ Hoa kỳ 2. Đặc thù của bộ máy lãnh đạo3. Hình thức bầu cử  | 222 |
| **Kỹ năng**1. Nhận diện hệ thống chính trị 2. Phân tích, đánh giá những ưu, nhược của hệ thống | 22 |
| **Thái độ**Có quan điểm lập trường vững vàng khi nhìn nhận các vấn đề chính trị  |  |

**Vấn đề 3:** **Tôn giáo, tín ngưỡng và lễ hội**

|  |  |
| --- | --- |
| **Nội dung** | **Mức độ** |
| **Kiến thức**1. Các loại hình tôn giáo2. Tác động của tôn giáo vào cuộc sống3. Những lễ hội văn hóa chính  | 222 |
| **Kỹ năng**1. Tóm tắt bức tranh tôn giáo Hoa kỳ2. Phân tích, đánh giá tác động của tôn giáo vào hoạt động con người | 22 |
| **Thái độ**Cư xử lịch sự và tôn trọng tự do tín ngưỡng của các nền văn hóa khác |  |

**Vấn đề 4:** **Giáo dục**

|  |  |
| --- | --- |
| **Nội dung** | **Mức độ** |
| **Kiến thức**1. Hệ thống giáo dục
2. Mô hình đào tạo các cấp
3. Vai trò và tác động của giáo dục đến cuộc sống
 | 222 |
| **Kỹ năng**1. Mô tả hệ thống giáo dục, đào tạo2. Phân tích, đánh giá các giá trị tinh thần xuất phát từ giáo dục | 22 |
| **Thái độ**Luôn tự học hỏi, trau dồi và hoàn thiện bản thân |  |

**Vấn đề 5:** **Sự đa dạng sắc tộc và giá trị sống**

|  |  |
| --- | --- |
| **Nội dung** | **Mức độ** |
| **Kiến thức**1. Sự đa dạng chủng tộc
2. Tác động của đa dạng chủng tộc đến cuộc sống
3. Các giá trị sống
 | 222 |
| **Kỹ năng**1. Tóm tắt tính đa dạng sắc tộc 2. Phân tích, đánh giá ảnh hưởng của đa dạng sắc tộc vào cuộc sống | 22 |
| **Thái độ**Tôn trọng tính đặc thù của dân tộc khác. |  |

**4. Hình thức tổ chức dạy - học**

**4.1. Lịch trình chung**

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Vấn đề** | **Phân bổ số tiết cho hình thức dạy - học** |  |  |  |  | **Tổng** |
|  | **Lên lớp** |  |  | **Thực hành, thực tập** | **Tự  nghiên cứu** |  |
|  | **Lý thuyết** | **Bài tập** | **Thảo luận** |  |  |  |
| Vấn đề 1 | 4 | 2 | 0 | 0 | 24 | 30 |
| Vấn đề 2 | 4 | 2 | 0 | 0 | 24 | 30 |
| Vấn đề 3 | 4 | 2 | 0 | 0 | 24 | 30 |
| Vấn đề 4 | 4 | 2 | 0 | 0 | 24 | 30 |
| Vấn đề 5 | 4 | 2 | 0 | 0 | 24 | 30 |

**4.2. Điều kiện hỗ trợ để dạy - học học phần**

Để thực hiện được các vấn đề của học phần đạt chuẩn, yêu cầu khoa, bộ môn đảm bảo điều kiện sau:

 - Phòng học nhỏ (khoảng dưới 40 sinh viên), bàn ghế dễ xoay chuyển khi làm bài tập theo cặp, nhóm.

- Bảng đen, bảng trắng và bảng ghim (dùng để ghim tranh, hình ảnh, tài liệu cho các hoạt động, trò chơi).

- Bản đồ nước Mỹ.

- Máy chiếu (để giáo viên giới thiệu, hướng dẫn, làm minh họa).

**5. Tài liệu**

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Tên tác giả** | **Tên tài liệu** | **Năm****xuất bản** | **Nhà****xuất bản** | **Địa chỉ khai thác tài liệu** | **Mục đích****sử dụng** |  |
|  |  |  |  |  |  | **Học** | **Tham khảo** |
| 1 | Joann Crandall | American ways | 2005 | Longman | Thư viện | × |  |
| 2 | Ethel Tiersky and Martin Tiesky  | The U.S.A. Customs and Institutions | 2001 | Longman | Thư viện | × |  |
| 3 | Gary Nash  | The American People: Creating a Nation and a Society | 2008 | Prentice Hall | Thư viện |  | x |
| 4 |  | http://info-pedia.americancorners.or.kr/ENG/index\_eng.htmlhttp://www.america.gov/publications/ejournalusa.html http://fpc.state.gov/ |  |  | Internet | x |  |

**6. Chính sách/Quy định đối với học phần và yêu cầu khác của giảng viên**

Sinh viên phải có đầy đủ tài liệu học tập; phải tự nghiên cứu trước khi đến lớp.

Trong quá trình học tập, sinh viên cần phải tham dự lớp đầy đủ để tham gia vào các hoạt động trong lớp (không được vắng quá 20% số giờ lên lớp)

Hoạt động nói theo nhóm: cả nhóm trình bày một đề tài trong chương trình trước lớp, và trả lời câu hỏi của các SV khác. Giáo viên nhận xét trên lớp.

Hoạt động cá nhân: phát biểu ý kiến xây dựng bài có chất lượng.

Sinh viên phải làm bài kiểm tra và thi kết thúc học phần.

**7. Đánh giá quá trình trong dạy và học**

**7.1. Thang điểm đánh giá bộ phận, điểm học phần:**

- Điểm đánh giá bộ phận và điểm thi kết thúc học phần được chấm theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến một chữ số thập phân.

- Điểm học phần là tổng điểm của tất cả các điểm đánh giá bộ phận của học phần nhân với trọng số tương ứng. Điểm học phần làm tròn đến một chữ số thập phân, sau đó được chuyển thành điểm chữ như sau: (Máy tính thực hiện).

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Loại** | **Thang điểm số** | **Thang điểm chữ** |
| **Đạt** |  |  |
| Giỏi |  9 – 10 | A  |
|  | 8,5 – 8,9 | A- |
| Khá |  8,0 – 8,4 | B+ |
|  |  7,0 – 7,9 | B   |
| Trung bình | 6,5 – 6,9 | B-   |
|  | 6,0 – 6,4 | C+ |
|  |  5,5 – 5,9 | C  |
| Trung bình yếu | 5,0 – 5,4 | C- |
|  | 4,5 – 4,9 | D+ |
|  |  4,0 – 4,4 | D |
| **Không đạt** |  |  |
| Kém | 3,0 – 3,9 | D- |
|  | 0  - 2,9 | F  |

**7.2. Các hoạt động đánh giá**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Các chỉ tiêu đánh giá** | **Phương pháp đánh giá** | **Trọng số****(%)** |
| 1 | Bài tập lớn theo nhóm | Trình bày báo cáo | 25 |
| 2 | Kiểm tra đánh giá cuối kỳ (KTCK) | Viết | 25 |
| 3 | Thi kết thúc học phần (THP) | Viết | 50 |